

THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI CAO TUỔI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY – VẤN ĐỀ VÀ KIẾN NGHỊ

Bùi Nghĩa⁽¹⁾

(1) Học viện Chính trị khu vực II

Ngày nhận bài 21/12/2018; Ngày gửi phản biện 15/01/2019; Chấp nhận đăng 29/02/2019

Email: buinghia72@gmail.com

Tóm tắt

Việt Nam đang trong thời kỳ “dân số vàng” nhưng xu hướng già hóa dân số đã thành hiện thực và đang diễn ra nhanh. Hoạch định chính sách nhằm chủ động giải quyết với vấn đề này là nhiệm vụ quan trọng của các nhà hoạch định chính sách công. Bài viết của chúng tôi phân tích thực trạng nội dung này và đưa ra một số khuyến nghị chính sách nhằm củng cố, hoàn thiện hệ thống chính sách người cao tuổi ở nước ta thời gian tới. Thông qua phương pháp phân tích dữ liệu định tính, tổng kết thực tiễn, nghiên cứu này chỉ ra một cách có hệ thống những thành tựu và tồn tại về chính sách đối với người cao tuổi qua cách tiếp cận trên; đồng thời, chỉ ra được “khoảng chênh” giữa mục tiêu chính sách được hiến định và hiện trạng thực hiện nội dung này.

Từ khóa: chính sách người cao tuổi, già hóa dân số, quyền cơ bản công dân

Abstract

IMPLEMENTING POLICIES FOR THE ELDERLY IN VIETNAM - PROBLEMS AND SUGGESTIONS

Although Vietnam is in the period of "golden population", the trend of population aging has become true and is going on strongly. Policymakers take the responsibility for policymaking to solve the problems proactively. The paper not only focuses on studying and analyzing the population aging but also makes some policy suggestions to build and improve the elderly policy system in Vietnam in the near future. By using qualitative data analysis methods and concluding from the real results, the paper has scientifically presented the achievements and shortcomings of policies for the elderly through the above approach; At the same time, it showed “the deviation” between the constitutional policy objective and the current status of implementing this content.

1. Đặt vấn đề

Tỷ lệ người cao tuổi trên khắp thế giới đang tăng nhanh và sẽ tiếp tục tăng trong những năm tới. Theo dự báo của Liên Hiệp quốc, số người cao tuổi (từ 60 tuổi trở lên) sẽ tăng từ 760 triệu trong năm 2010 lên khoảng 2 tỷ người vào năm 2050 (tức là từ 11% lên 22% tổng dân số thế giới) (Trịnh Duy Luận, 2016). Năm 1990, ở Việt Nam, tỷ lệ người cao tuổi chỉ chiếm 7,2% dân số thì đến năm 2011, tỷ lệ này là 10%, chính thức bắt đầu giai đoạn “già hóa dân số”. Theo Quỹ dân số Liên Hiệp quốc tại Việt Nam (UNFPA) dự báo, đến năm 2038, người cao tuổi ở Việt Nam sẽ chiếm 20% tổng dân số - tăng gấp ba lần trong vòng 24 năm (UNFPA, 2016). Cũng theo UNFPA (2015), “ảnh hưởng về kinh

tế và xã hội của hiện tượng già hóa dân số có ý nghĩa vô cùng quan trọng, không chỉ tác động tới cá nhân người cao tuổi và gia đình họ, mà còn có tác động rộng hơn tới toàn xã hội và cộng đồng toàn cầu theo những cách thức chưa từng có”. Việt Nam sẽ đối mặt với nguy cơ “già trước khi giàu”, khi tốc độ già hóa dân số tiếp tục tăng nhanh trong khi tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đầu người mới ở mức trung bình thấp (khoảng 2.000 đô la Mỹ), các chính sách an sinh xã hội, lồng ghép vấn đề chính sách này vào trong các chương trình kinh tế, chính sách y tế... dành cho người cao tuổi chưa thực sự hoàn chỉnh. Quyền được đối xử bình đẳng, được tôn trọng, chăm sóc, bảo vệ và thụ hưởng các phúc lợi trong hệ thống an sinh xã hội của người cao tuổi là đòi hỏi chính đáng và cũng là mục tiêu đặt ra cho những người xây dựng chính sách đối với người cao tuổi. Do vậy, việc nghiên cứu chính sách đối với người cao tuổi có ý nghĩa khoa học, thực tiễn; góp phần củng cố, hoàn thiện của hệ thống chính sách đối với người cao tuổi ở Việt Nam.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập quốc tế, nghiên cứu về người cao tuổi nói chung, về chính sách đối với người cao tuổi nói riêng ở Việt Nam đã nhận được sự quan tâm của nhiều cơ quan, tổ chức và các nhà khoa học. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến các vấn đề về xã hội và an sinh xã hội đã có nhiều nghiên cứu, báo cáo về nhiều mặt liên quan đến người cao tuổi và chính sách đối với người cao tuổi. Bộ Y tế và Quỹ dân số Liên Hiệp quốc (UNFPA) đã nghiên cứu báo cáo tổng quan về chính sách chăm sóc người già thích ứng với thay đổi cơ cấu tuổi tại Việt Nam (2009). Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNFPA đã nghiên cứu đánh giá 5 năm thực hiện Luật Người cao tuổi (2010 - 2014), đánh giá mô hình thí điểm chăm sóc người già dựa vào cộng đồng (2015). UNFPA nghiên cứu về vấn đề già hóa dân số ở Việt Nam - thách thức và cơ hội (2016). Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi nghiên cứu đánh giá thực trạng người cao tuổi và tình hình già hóa dân số Việt Nam (2016). Viện Khoa học Xã hội Việt Nam nghiên cứu những vấn đề cơ bản về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2011 – 2020, cung cấp bức tranh toàn diện về nhiều vấn đề của người cao tuổi nước ta như đời sống, sức khỏe, vai trò, cơ sở thực tiễn điều chỉnh chính sách dành cho người cao tuổi... Bên cạnh các báo cáo đánh giá của các cơ quan, tổ chức, các nhà khoa học trong nước cũng có nhiều nghiên cứu sâu về người cao tuổi và chính sách đối với người cao tuổi. Về chính sách đối với người cao tuổi, đáng chú ý là các nghiên cứu của Trịnh Duy Luận (2016) với chủ đề chính sách chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam hiện đã khảo lược khá đầy đủ chính sách chăm sóc người cao tuổi thông qua các tiêu chí, đưa ra một số khuyến nghị cần thiết nhằm hoàn thiện hệ thống chính sách chăm sóc người cao tuổi. Nguyễn Văn Đồng (2017) nghiên cứu tổng kết về quá trình thực hiện Luật Người cao tuổi những vấn đề thực tiễn triển khai sau 8 năm ban hành...

Kế thừa tài liệu và những kết quả nghiên cứu trên, bài viết này tiếp tục xem xét các văn bản pháp luật như Luật Người cao tuổi, một số văn bản luật, văn bản pháp quy có liên quan, các dữ liệu được tiếp cận nguồn từ sách, báo, tạp chí khoa học cũng như kết quả các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, tiến hành so sánh, phân tích để đánh giá kết quả thực hiện các nội dung chính sách trong thực tiễn, từ đó cung cấp luận cứ lý luận, pháp lý và thực tiễn cho khuyến nghị chính sách. Nội dung bài viết tập trung vào hai vấn đề chính là thực trạng chính sách đối với người cao tuổi và các khuyến nghị về chính sách đối với người cao tuổi.

3. Thực trạng chính sách đối với người cao tuổi thời gian qua

3.1. Quyền được giúp đỡ về mặt vật chất

Pháp luật nước ta thể hiện tư duy nhất quán: người cao tuổi cần thiết phải được hỗ trợ, giúp đỡ trước hết về mặt vật chất. Hỗ trợ này có thể là chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng, chính sách hỗ trợ chi phí mua bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, cứu trợ, bảo trợ... bằng hệ thống ngân sách nhà nước hoặc nguồn tài chính khác. Tuy nhiên, do công tác này liên quan chặt chẽ và phụ thuộc vào nguồn ngân sách, tài chính nên dẫn đến một số vấn đề phát sinh. Sau hơn 9 năm thực hiện Luật người cao tuổi và 5 năm thực hiện Hiến pháp 2013, mức độ đáp ứng các quyền kinh tế (vật chất - xã hội) của người cao tuổi ở nước ta đạt từ 50 - 60%, gần 90% người cao tuổi được đảm bảo nhu cầu cơ bản về ăn, mặc, ở (Trịnh Duy Luận, 2016). Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNFPA (2016), cả nước có khoảng 1,5 triệu người cao tuổi được hưởng chính sách bảo trợ hằng tháng chiếm đến 77% trong tổng số đối tượng được nhận trợ cấp xã hội hằng tháng; hàng nghìn người cao tuổi được hỗ trợ xóa nhà tạm, sửa chữa nâng cấp nhà ở, tổ chức mừng thọ cho hơn 1 triệu người cao tuổi, thăm hỏi, động viên ốm đau cho hơn 900.000 người cao tuổi... (Nguyễn Văn Đông, 2017). Theo chính sách người cao tuổi hiện tại, việc hưởng chế độ trợ cấp xã hội hằng tháng, hoặc được nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội do nhà nước quản lý chỉ dành cho người cao tuổi cô đơn, không nơi nương tựa, không có nguồn thu nhập; người cao tuổi từ 80 tuổi trở lên không có lương hưu hoặc trợ cấp bảo hiểm xã hội; người cao tuổi còn vợ hoặc chồng nhưng già yếu, không có con cháu, người thân thích, thuộc hộ nghèo... Mặc dù đạt được những kết quả khá tích cực, toàn diện về chính sách đối với người cao tuổi thông qua đảm bảo hiện thực hóa quyền công dân - người cao tuổi dưới góc độ hỗ trợ vật chất nhưng việc đảm bảo quyền được hưởng hỗ trợ vật chất của người cao tuổi thời gian qua vẫn còn nhiều tồn tại, thách thức. Ở khía cạnh vật chất, với số lượng đối tượng người cao tuổi được thụ hưởng hiện tại thì hỗ trợ vật chất chưa đủ đáp ứng nhu cầu đời sống vật chất người cao tuổi. Trong bối cảnh Việt Nam đang đối mặt với vấn đề nợ công, kinh tế có phần chững lại... bài toán ngân sách quốc gia đang “chật vật” để phân bổ cho các lĩnh vực phát triển, trong đó có chăm lo vật chất cho người cao tuổi cũng đang đặt ra. Công tác hỗ trợ về vật chất tuy có cải thiện nhưng vẫn còn nhiều hạn chế biểu hiện ở mức độ thỏa mãn, hài lòng được thụ hưởng về chính sách trợ cấp xã hội. Do điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù từng địa phương nên với mức trợ cấp xã hội cho người cao tuổi chỉ bằng 38% chuẩn nghèo nông thôn, 30% chuẩn nghèo đô thị giai đoạn 2016 - 2020, mức chuẩn chung hỗ trợ chỉ đáp ứng được 32,5% so với chuẩn nghèo. Kết quả nghiên cứu của Viện Khoa học Lao động và Xã hội cho thấy chỉ có 27% người cao tuổi đánh giá chính sách trợ cấp xã hội vừa có giá trị vật chất, tinh thần (Nguyễn Văn Đông, 2017); khảo sát đồng bằng Bắc bộ có đến 26,5% số người cao tuổi được hỏi đánh giá chưa tốt về thực hiện hỗ trợ vật chất, riêng tại thành phố Hồ Chí Minh cũng khá tương đồng khi có đến 17,3% đánh giá chính sách trợ cấp xã hội ở mức không tốt và rất kém (Lê Ngọc Hân, 2010). Hạn chế về nguồn ngân sách, tài chính nói chung là thách thức trong việc thực hiện chính sách hỗ trợ vật chất đối với người cao tuổi. Nhiều chính sách, mô hình hay, ý nghĩa trong việc hỗ trợ vật chất cho người cao tuổi chưa được thực hiện kịp thời do thiếu kinh phí và thiếu văn bản hướng dẫn. Điều này gián tiếp phản ánh sự lúng túng, bị động của chính quyền các cấp trong việc tìm ra giải pháp huy động nguồn lực, phát huy vai trò cộng đồng, xã hội trong hỗ trợ người cao tuổi. Phạm vi người cao tuổi được hưởng chính sách hỗ trợ còn ít, cần được xem xét một cách khoa học để mở rộng. Theo đánh giá của Bộ Lao

động -Thương binh và Xã hội thì diện đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội cả nước còn thấp, đối tượng thường xuyên chỉ chiếm 1,23% dân số (trong khi các nước khu vực là 2,5 -3,0%). Thay vì đối tượng hưởng chính sách trợ cấp là một số nhóm người cao tuổi đặc thù (nghèo, không nơi nương tựa, cô đơn, không thu nhập...) cần xem xét, mở rộng ra là toàn bộ người cao tuổi.

3.2. Quyền được thụ hưởng chế độ chăm sóc sức khỏe

Trong những năm qua, việc đảm bảo quyền được thụ hưởng chính sách chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi theo pháp luật bước đầu được thực hiện có kết quả tích cực. Tuổi thọ dân số Việt Nam tăng lên phản ánh thành tựu kinh tế - xã hội, nhất là lĩnh vực y tế. Tuy nhiên, điều kiện sống, mức sống phần đa người cao tuổi nước ta còn khá thấp, sức khỏe kém, tuổi thọ khỏe mạnh nước ta chưa cao, mỗi người cao tuổi chịu 14 năm bệnh tật, 95% người cao tuổi có bệnh và trung bình là 2,69 căn bệnh/ người (Nguyễn Văn Đồng, 20117). Từ năm 2009 đến nay, các chương trình khám chữa bệnh đã tư vấn các bệnh về mắt cho hơn 2 triệu người cao tuổi, trong đó có 200.000 người được mổ thủy tinh thể miễn phí gần 400 tỉ đồng (Nguyễn Văn Đồng, 2017). Theo báo cáo tổng quan của ngành y tế số lượng người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế tăng từ 24,3% năm 2004 lên 63% năm 2006, các hoạt động khám sức khỏe định kỳ cho người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế được thực hiện hiệu quả, chất lượng phục vụ tốt hơn, nhiều địa phương có chủ trương thành lập quỹ chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, hoạt động chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi có nhiều điểm mới: chăm sóc tại nhà, chăm sóc tại cơ sở tập trung và chăm sóc dựa vào cộng đồng... Tuy nhiên, việc đảm bảo quyền được chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi thời gian qua cũng đứng trước những thách thức lớn. Chất lượng các loại dịch vụ y tế, khám chữa bệnh có thể bảo hiểm y tế, vấn đề y đức, tiêu cực trong ngành y tế... tác động tiêu cực đến thực hiện quyền được đảm bảo chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi nếu xem đây là lực lượng yếu thế trong xã hội. Tỷ lệ người cao tuổi đến khám, chữa bệnh và được lập hồ sơ quản lý sức khỏe định kỳ tại tuyến cơ sở rất thấp, nhiều bệnh viện tuyến huyện chưa thành lập được khoa lão khoa, công tác cải cách thủ tục hành chính của ngành y tế còn chậm.

3.3. Quyền được đảm bảo các giá trị tinh thần

Việc được đảm bảo hỗ trợ, chia sẻ về vật chất, đảm bảo sức khỏe thì người cao tuổi theo Hiến pháp, pháp luật còn có quyền được đảm bảo các giá trị về mặt tinh thần. Điều này thể hiện rõ ở việc người cao tuổi được quyền tham gia, tiếp cận với các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, du lịch, nghỉ mát, các hoạt động khác bồi bổ, nâng cao đời sống tinh thần cho người cao tuổi, sự quan tâm, thăm hỏi, động viên, chúc thọ người cao tuổi.... Tính đến hết năm 2016, cả nước có 58.099 câu lạc bộ người cao tuổi, thu hút 2,6 triệu người cao tuổi tham gia, góp phần nâng cao sức khỏe, tinh thần và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc (Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi, 2016). Tuy nhiên, hạn chế lớn nhất của các tổ chức này chính là tính hình thức hay hành chính hóa, chưa đem lại lợi ích thiết thực, ý nghĩa, thậm chí mang tính phong trào. Đánh giá việc đảm bảo quyền được chăm lo về đời sống tinh thần, chỉ có 8,6% người cao tuổi đánh giá nó được thực hiện mức độ tốt, rất tốt; 54,7% cho rằng chính sách này không được thực hiện tốt ở địa phương.

3.4. Quyền được xã hội thừa nhận, tôn trọng và khẳng định vị thế

Phải khẳng định, đây là quyền rất tiên bộ và rất mới của người cao tuổi được Hiến pháp 2013 ghi nhận. Đây vừa là quyền nhưng cũng là nhu cầu tất yếu của người cao tuổi. Quyền này được hiểu chính là việc người cao tuổi với đầy đủ phẩm chất, kỹ năng, năng lực... được xã hội coi trọng, ghi nhận và bản thân người cao tuổi sử dụng nó để góp phần tiếp tục công hiến cho xã hội.

Theo kết quả khảo sát của các cơ quan nghiên cứu cho thấy, có hơn 2,5 triệu người cao tuổi vẫn đang tham gia lao động, sản xuất kinh doanh; 95.000 người cao tuổi làm trang trại, cơ sở sản xuất, kinh doanh; hơn 300.000 nghìn người cao tuổi làm kinh tế giỏi; 1,24 triệu người cao tuổi nghỉ hưu vẫn tham gia công tác trong hệ thống chính trị tại nơi cư trú,...(Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội & UNFPA, 2016). Ngoài các công việc trên, người cao tuổi còn tạo điều kiện để tham gia vào hoạt động giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng (khuyến học, khuyến tài,...), tham gia thiết chế tự quản cơ sở (khu phố, tổ dân phố, thôn, bản,...), tham gia công tác đảm bảo an ninh trật tự, chống tội phạm, hòa giải cơ sở,... Nhìn tổng thể, chính sách người cao tuổi thông qua việc đảm bảo quyền công dân - người cao tuổi được tham gia, đóng góp, khẳng định giá trị của người cao tuổi được thực hiện khá tốt, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, việc đảm bảo người cao tuổi tham gia tiếp tục cống hiến, khẳng định giá trị của mình vẫn còn nhiều khiếm khuyết như chưa thu hút được người cao tuổi tham gia hỗ trợ địa phương, sáng kiến của người cao tuổi chưa được coi trọng, tiếp thu, chưa có chiến lược dài hơi mang tầm quản trị quốc gia về thu hút, sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn nhân lực - người cao tuổi ở nước ta... Tất cả hạn chế này tạo nên sự lãng phí lớn nhân lực của xã hội.

4. Khuyến nghị chính sách

Nghiên cứu và có cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích sự tham gia của toàn xã hội, huy động nguồn lực của khu vực tư (tăng cường xã hội hóa) trong việc giải quyết các vấn đề lớn trong chính sách đối với người cao tuổi, góp phần đảm bảo khắc phục khó khăn hiện tại ngân sách cho các khoản trợ cấp, phục vụ thiết lập Quỹ người cao tuổi tại các địa phương, mở rộng diện thụ hưởng nhận hỗ trợ vật chất cho người cao tuổi... Đặc biệt, coi trọng phát triển, nhân rộng mô hình tham vấn, hỗ trợ chăm sóc người cao tuổi thông qua vai trò của cộng đồng, xã hội và các tổ chức hành nghề công tác xã hội.

Đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực y tế, trong đó, chú trọng đến việc cải cách thủ tục liên quan cung ứng dịch vụ y tế cho người cao tuổi, chấn chỉnh trách nhiệm công vụ, nâng cao ý thức của đội ngũ y bác sĩ. Đặc biệt, cần có chiến lược quy hoạch tổng thể ngành y để thích ứng với vấn đề già hóa dân số của Việt Nam hiện nay. Trong đó, cần quan tâm xây dựng nguồn nhân lực ngành y chất lượng, có phẩm chất nhằm đảm bảo cung ứng dịch vụ y tế, hỗ trợ giải quyết các vấn đề phát sinh khi già hóa dân số. Đồng thời, nghiên cứu xây dựng hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật như Viện Lão học, viện dưỡng lão, trung tâm chăm sóc người cao tuổi,...và trang bị tri thức để cộng đồng và xã hội thích ứng với già hóa dân số một cách tích cực.

Các nhà hoạch định chính sách cần nghiên cứu, tham vấn để ban hành chiến lược về tận dụng, sử dụng nguồn nhân lực từ đội ngũ người cao tuổi đảm bảo khoa học hợp lý. Như phân tích trên, với tinh thần “tuổi cao chí càng cao”, người cao tuổi ngày càng có vai trò quan trọng, trở thành nguồn lực đặc giá trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Do vậy, các cơ quan quản lý nhà nước, các nhà hoạch định, tham vấn chính sách người cao tuổi cần đặt chính sách thu hút, sử dụng hiệu quả nguồn lực người cao tuổi trong tổng thể chính sách người cao tuổi ở nước ta.

Các cơ quan chức năng, cơ quan truyền thông, và đoàn thể chính trị - xã hội thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, phổ biến về chính sách người cao tuổi của Nhà nước đến đội ngũ người cao tuổi. Việc nhận thức đầy đủ về thách thức già hóa dân số của người dân có tác động

tích cực trong việc kéo dài thời gian già hóa dân số, cân bằng cơ cấu dân số quốc gia thông qua chiến lược dân số, kế hoạch hóa gia đình, chăm sóc sức khỏe,... Bên cạnh đó, cần nhận thức rõ ràng rằng, trong hoạt động của các cơ quan này, cần xem việc chăm lo người cao tuổi cùng toàn xã hội là trách nhiệm, là hành vi đạo đức và gìn giữ truyền thống dân tộc Việt Nam bên cạnh nghĩa vụ pháp lý, trách nhiệm công vụ.

Tăng cường, mở rộng hợp tác quốc tế trong thực hiện chính sách người cao tuổi và thích ứng với vấn đề già hóa dân số ở nước ta. Việt Nam cần tranh thủ mối quan hệ hợp tác quốc tế với các quốc gia có nhiều kinh nghiệm trong ứng phó chủ động với vấn đề già hóa dân số, thực hiện tốt chính sách người cao tuổi nhằm sẻ chia kiến thức, học tập mô hình, kinh nghiệm và vận dụng sáng tạo, linh hoạt gắn với văn hóa, đặc thù tình hình kinh tế - chính trị của quốc gia. Ngoài ra, cần tăng cường và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ trong huy động nguồn lực, kỹ thuật, thực hiện tham vấn chính sách đối với người cao tuổi,... cho các cơ quan nhà nước nhằm kịp thời điều chỉnh, cập nhật và ứng phó với diễn biến mới của vấn đề già hóa dân số Việt Nam trong tương lai.

5. Kết luận

Chính sách đối với người cao tuổi của nước ta không chỉ dừng lại ở góc độ đạo đức, truyền thống mà còn thể hiện rất rõ ở trong pháp luật. Việc nghiên cứu những nội dung và hình thức thể hiện của chính sách đối với người cao tuổi trong pháp luật cùng với đó là thực trạng, những kiến nghị chính sách sẽ góp phần cung cấp cứ liệu quan trọng trong nghiên cứu chuyên sâu về chính sách đối với người cao tuổi ở nước ta thời gian tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNFPA (2016). *Báo cáo đánh giá: Đánh giá 5 năm thực hiện Luật Người cao tuổi 2010 - 2014*. Hà Nội.
- [2] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2009). *Dự thảo chiến lược an sinh xã hội*, Hải Phòng.
- [3] Bộ Y tế và Quỹ dân số Liên Hiệp quốc (2009). *Báo cáo tổng quan về chính sách chăm sóc người già thích ứng với thay đổi cơ cấu tuổi tại Việt Nam*, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Văn Đồng (2017). Luật Người cao tuổi: Thực tiễn triển khai sau 8 năm ban hành. *Tạp chí Xã hội học*, 1(137), tr. 66-67.
- [5] Quốc hội Việt Nam (2013). *Hiến pháp năm 2013*. Hà Nội.
- [6] UNFPA (2016). *Già hóa dân số nhanh chóng ở Việt Nam - Thách thức và cơ hội*. Hà Nội
- [7] UNFPA (2015). *Đánh giá mô hình thí điểm chăm sóc người già dựa vào cộng đồng của Quỹ dân số Liên Hiệp quốc*. Hà Nội.
- [8] Trịnh Duy Luận (2016). Chính sách chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 1(98), tr. 01.
- [9] Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi (2016). *Nghiên cứu đánh giá: Thực trạng người cao tuổi và tình hình già hóa dân số Việt Nam*. Hà Nội
- [10] Vũ Cao Đàm (2011). *Giáo trình khoa học chính sách*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [11] Lê Ngọc Hân (chủ nhiệm, 2010). *Một số vấn đề cơ bản về người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*. Viện Khoa học xã hội Việt Nam.